

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-ST

Ngày: 23/8/2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng góp  
hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Nhân;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 360/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt (do có ý kiến đề nghị vắng mặt tại văn bản ghi nhận lời khai ngày 02/6/2022).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày, tôi có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hụi, cụ thể: Dây hụi thứ nhất ngày 10/11/2019 (âm lịch) hụi 1.000.000 đồng, châu được 18 lần; Dây hụi thứ 2 ngày 10/11/2019 (âm lịch)

hụi 500.000 đồng, châu được 18 lần; Dây hụi thứ 3 ngày 20/4/2020 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, châu được 12 lần; Dây hụi thứ 4 ngày 20/4/2020, hụi 500.000 đồng, châu được 12 lần; Dây hụi thứ 5 ngày 06/9/2020 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, châu được 7 lần; Dây hụi thứ 6 ngày 6/9/2020 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, châu được 7 lần. Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa bà H và bà Đ thống nhất số liệu về số lần châu hụi, số tiền gốc đã châu hụi, số lãi của từng lần châu hụi và số tiền gốc bà H đã châu hụi tại các dây với số tiền là 51.020.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà Đ, ông T liên đới thanh toán số tiền là 69.500.000 đồng là chưa chính xác, nên bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 18.480.000 đồng, nay chỉ yêu cầu bà Đ, ông T cùng liên đới trả số tiền là 51.020.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với lời trình bày của ông T về việc không đồng ý liên đới cùng bà Đ trả nợ tôi không đồng ý, do quá trình chơi hụi ông T biết bà Đ là chủ hụi, cũng như có việc thu hụi từ các hụi viên, tôi là hụi viên của bà Đ hơn 10 năm nay, ông T biết, cũng như việc bà Đ làm hụi là để phục vụ kinh tế gia đình, nên việc ông T không đồng ý liên đới trả nợ là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu thanh toán dần hàng tháng là 200.000đồng/tháng bà H không đồng ý, bà yêu cầu trả một lần.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ tại biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải, trình bày:* tôi có làm chủ hụi, trong đó bà Nguyễn Thị H là hụi viên tại các dây hụi như bà H trình bày. Tổng số tiền nợ hụi tính đến thời điểm hiện tại tôi còn nợ lại bà H là 51.020.000 đồng. Tôi đồng ý trả cho bà H. Đối với các dây hụi, chồng tôi là ông Nguyễn Văn T có biết, có những lúc thu giúp hụi cho tôi, tiền hụi cũng sử dụng chung vào sinh hoạt gia đình, cũng như phát triển kinh tế gia đình; tôi yêu cầu thanh toán hàng tháng với số tiền là 200.000đồng/tháng cho bà H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến tại các phiên hòa giải.* Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận lời khai, do cán bộ Tòa án thực hiện ghi nhận ý kiến của ông T; ông T đã trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật từ năm 1983 đến nay, ông có nhận và biết được Tòa án mời làm việc do các nguyên đơn với tư cách là hụi viên khởi kiện vợ ông bà Đ là chủ hụi, do sau khi thực hiện khai hụi không thực hiện trả tiền hụi cho các hụi viên; ông có biết bà Đ là chủ hụi nhưng không biết việc ai là hụi viên, cũng như bà Đ khi thu tiền hụi, trả tiền hụi cho ai ông hoàn toàn không nắm được, cũng như không thực hiện thu hụi của các hụi viên thay bà Đ. Bà Đ khi thu tiền hụi, có tiền lời bao nhiêu ông không biết, bà Đ là vợ ông, là chủ hụi từ khoảng hơn 10 năm nay, việc bà Đ bẻ hụi ông biết, do bà Đ có báo cho ông, ông không đồng ý liên đới với bà Đ do ông không biết các hụi viên, không thu hụi, không biết bà Đ dùng tiền hụi vào mục đích gì; ngoài ra bà Đ còn bị rất nhiều người giựt hụi, ông phải T phụ bà Đ trả thay, ông biết việc đưa ông

tham gia tố tụng, nhưng đề nghị vắng mặt tại các phiên hòa giải, đối chất, lấy lời khai và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị H, trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời trình bày phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Nguyễn Thị Đ, từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Năm 2019, 2020 bà Nguyễn Thị H có tham gia 04 dây hụi do bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn T) làm chủ hụi, cụ thể: 02 dây hụi 1.000.000đồng/tháng, 500.000đồng/tháng mở ngày 10/11/2019, 20/4/2020, đã đóng với tổng số tiền 71.000.000đồng, bà Đ đã trả 1.500.000đồng, còn nợ lại số tiền 69.500.000đồng. Bà H yêu cầu bà Đ, ông T liên đới trả số tiền hụi còn nợ 69.500.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên, trong quá giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu bà Đ và ông T liên đới trả số tiền 51.020.000đồng, không tính lãi suất. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 18.480.000đồng nên cần đình chỉ theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Phía bà Đ thừa nhận còn nợ bà H số tiền 51.020.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 200.000đồng cho đến khi trả xong. Việc bà làm chủ hụi ông T biết, có khi thu tiền hụi giúp bà, tiền bà chơi hụi có sử dụng vào việc sinh hoạt gia đình. Riêng, ông T xác nhận giữa ông và bà Đ là vợ chồng, có biết bà Đ là chủ hụi nhưng không rõ ai là hụi viên và không rõ việc thu hụi như thế nào. Việc bà Đ vỡ hụi, ông T có biết, không đồng ý liên đới trả vì đây là nợ riêng bà Đ.

Xét thấy, căn cứ bà H khởi kiện là các giấy hụi ngày 10/11/2019, 20/4/2020. Ngoài ra, bà Đ cũng thừa nhận còn nợ bà H 51.020.000đồng nên bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả 51.020.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 18, 23 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng. Đối với việc bà Đ

xin trả dần hàng tháng, do bà H không đồng ý nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà H số tiền 51.020.000đồng. Thấy rằng, trong thời gian bà Đ làm chủ hụi, bà Đ và ông T thừa nhận là vợ chồng, chung sống cùng nhau. Mặc khác, bà Đ thừa nhận, việc bà chơi hụi nhằm mục đích tạo thu nhập để phục vụ cuộc sống, sinh hoạt cho gia đình, ông T biết việc bà làm chủ hụi và đôi khi ông T có thay bà Đ nhận tiền hụi của hụi viên đến đóng hụi. Vì vậy, có căn cứ xác định rằng, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H, về việc buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ trả 51.020.000đồng. Do đó, đề nghị, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 51.020.000đồng. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 18.480.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ thanh toán tiền hụi, bà Đ là người bị kiện đang cư trú tại địa bàn huyện Chợ Mới, giữa các bên công nhận có chơi hụi, nên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là “tranh chấp về Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Bà Nguyễn Thị H, tham gia các dây hụi, do bà Đ làm chủ hụi, tại đơn khởi kiện, cũng như tại biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận lời khai, bà H và bà Đ đều thống nhất về dây hụi, ngày khởi khai hụi, số lần châu hụi, số tiền đã châu hụi, số tiền lời; thống nhất về số tiền tại các lần châu hụi, tổng số tiền hụi sống tại 06 dây hụi đến nay bà Đ, ông T phải thanh toán như nêu trên, nên sự thống nhất này của các đương sự là sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, giữa bà H và bà Đ có quan hệ chơi hụi, theo đó bà Đ là chủ hụi, các đương sự đã đối chiếu thống nhất số tiền hụi, các dây hụi nên có cơ sở xác định đến nay số tiền hụi do bà Đ làm chủ, còn thiếu của bà H với số tiền cả bà H và bà Đ thống nhất là 51.020.000đồng, nên Hội đồng xét xử thống nhất, việc bà H yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, lời trình bày của bà H phù hợp với lời trình bày của bà Đ, cũng như số tiền, số lần khởi khai hụi các đương sự đều thống nhất; theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu bà Đ và ông T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền nợ hụi, thì thấy: việc ông T cho rằng, ông không có

trách nhiệm liên đới với bà Đ, vì không biết bà Đ dùng tiền vào việc gì, nhưng ông lại biết việc bà Đ là chủ hội hơn 10 năm nay, ông T cũng biết việc bà Đ vỡ hội, cũng phụ bà Đ trong việc trả tiền hội đối với người chơi hội (Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 đối với ông T), bà Đ cũng khẳng định việc làm chủ hội, tiền lời hội bà dùng chung vào mục đích sinh hoạt gia đình. Do đó, có cơ sở xác định ông T hoàn toàn biết việc bà Đ là chủ hội, biết việc bà Đ là người T nhận tiền từ các hội viên, nên ông cho rằng không có trách nhiệm liên đới là không có căn cứ, cả ông T và bà Đ đều thừa nhận là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, bà Đ và ông T cùng sống chung nhà, bà Đ có dùng tiền chơi hội vào mục đích chung trong sinh hoạt gia đình theo như lời trình bày của bà Đ, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và thực hiện nghĩa vụ của hội viên, người tham gia hội theo quy định tại Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, bà Đ đề nghị thanh toán dần hàng tháng, nhưng bà H không đồng ý.

Do đó, bà Đ, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà H số tiền hội đến nay chưa thanh toán là: 51.020.000đồng.

[2.2] Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Đ, ông T phải thanh toán số tiền là 69.500.000 đồng, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 18.480.000 đồng, việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình xét xử theo quy định tại các Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với số tiền 18.480.000 đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận, nên bà H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí tương ứng với số tiền 51.020.000đồng, nhưng do bà Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới thanh toán nợ, nên cả bà Đ, ông T phải liên đới chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 244, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ các Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hội, họ, điều, phường của Chính phủ.*

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T;

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả bà Nguyễn Thị H số tiền 51.020.000đồng (*năm mươi một triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 18.480.000đồng (*mười tám triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 1.737.500đồng (*một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004639 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Mới cấp.

- Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.551.000đồng (*hai triệu, năm trăm năm mươi một nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị H có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,*

*7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (3);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Kiên**